

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Mặc dù trải qua buổi sáng giao dịch yếu ớt, dòng tiền mạnh mẽ xuất hiện trong phiên chiều giúp VN-Index hồi phục từ 1,600 lên đóng cửa tại mốc 1,651.98 điểm, tăng gần 35 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 12/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Ô tô & phụ tùng, Ngân hàng,... Ở chiều ngược lại, ngành Hàng cá nhân & gia dụng giảm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này quay lại mua ròng trên sàn HSX, HNX và bán ròng trên sàn UPCOM. Tâm lý thị trường vẫn chưa ổn định, nhà đầu tư nên chú ý quan sát diễn biến hàng ngày. Điểm tích cực là VN-Index vẫn duy trì đóng cửa trên ngưỡng hỗ trợ 1,625 (tương ứng với Fibonacci 0.236).

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 04/11/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+34.98** điểm, đóng cửa tại **1651.98** điểm. HNX-Index **+6.73** điểm, đóng cửa tại **265.91** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+4.95)**, **VPB (+3.56)**, **TCB (+2.29)**, **CTG (+1.77)**, **MBB (+1.67)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-0.63)**, **GAS (-0.53)**, **VPL (-0.39)**, **PNJ (-0.21)**, **FRT (-0.15)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **31,250** tỷ đồng, tăng **12.51%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 34,267 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 58.37 điểm. Thị trường có **189** mã tăng, 58 mã tham chiếu, **117** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **1202.87** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIX (326.32 tỷ)**, **VPB (164.82 tỷ)**, **MSN (147.13 tỷ)**, **ACB (131.81 tỷ)**, **VCI (107.37 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **52.20** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **2.89%**. Các mã diễn biến tích cực:
VCI (+6.94%)
SSI (+6.92%)
VPB (+6.88%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **1.72%**. Các mã diễn biến tích cực:
MBS (+8.57%)
DIG (+6.99%)
TCH (+6.95%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	2.89%	1.72%	2.16%	2.16%
1 tuần	-0.80%	-2.61%	-1.70%	-2.65%
1 tháng	-0.19%	-2.08%	0.37%	2.05%
3 tháng	-0.19%	-2.96%	4.97%	10.12%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,651.98	265.91	115.28
% 1D	2.16%	2.60%	0.57%
GTKL (tỷ VND)	31,250	2,403	878
%1D	12.51%	-13.18%	-5.62%
GDNN (tỷ VND)	1202.87	52.20	-119.27

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIX	326.32	HDB	-170.40
VPB	164.82	STB	-90.36
MSN	147.13	VHM	-67.74
ACB	131.81	TCB	-51.50
VCI	107.37	VCB	-38.14

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

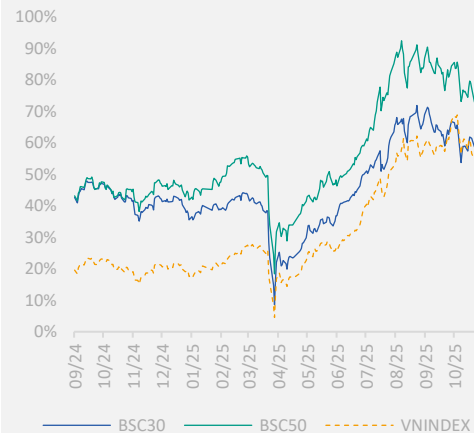
		%D	%W
SPX	6,852	0.17%	-0.34%
FTSE100	9,622	-0.82%	-0.77%
Eurostoxx	5,609	-1.24%	-1.72%
Shanghai	3,960	-0.41%	-0.70%
Nikkei	51,497	-1.74%	2.10%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.06	-1.27%
Giá vàng	3,996	-0.47%
Tỷ giá		
USD/VND	26,349	0.01%
EUR/VND	31,095	0.02%
JPY/VND	175	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.0%	0.00%
LS LNH 1M	5.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

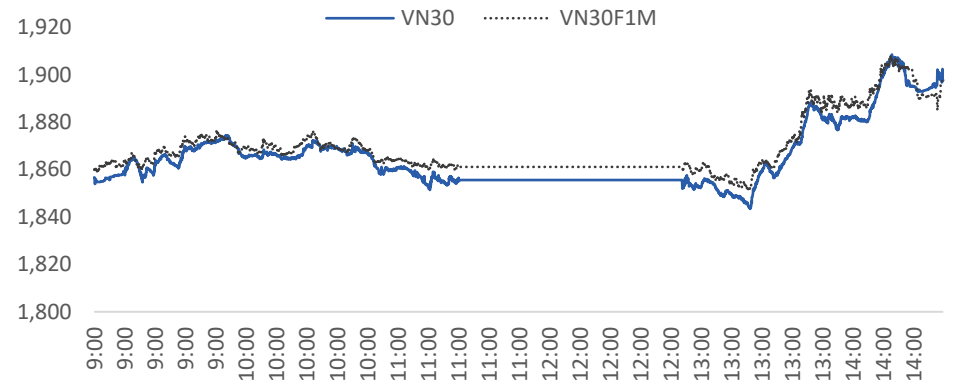
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1898.00	2.04%	365,768	-10.9%	20/11/2025	16
41I1G6000	1895.00	1.95%	29	-42.0%	18/06/2026	226
VN30F2512	1895.30	1.90%	1,281	-29.8%	18/12/2025	44
41I1G3000	1885.30	1.36%	137	-23.46%	19/03/2026	135

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +40.07 điểm, đóng cửa tại 1897.71 điểm. Biên độ dao động 65.12 điểm. Các cổ phiếu như VPB, VIC, HPG, MSN, TCB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán cuối phiên kéo VN30 đóng cửa trong sắc đỏ. Thanh khoản nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVRE2523	25/03/2026	141	300,000	21.79%	35.00	1,450	43.6%	0.67	40.80	33.50	33.50
CHPG2514	19/11/2025	15	320,300	3.43%	26.37	390	39.3%	0.29	27.67	26.75	26.75
CTCB2518	23/02/2026	111	2,633,700	8.33%	35.07	1,460	37.7%	1.41	37.92	35.00	35.00
CTCB2515	25/12/2025	51	114,700	34.85%	44.81	490	32.4%	0.01	47.20	35.00	35.00
CVIB2509	3/12/2025	29	9,100	6.30%	18.39	500	31.6%	0.30	20.14	18.95	18.95
CVRE2513	15/12/2025	41	428,300	5.97%	30.00	2,750	30.3%	2.01	35.50	33.50	33.50
CSTB2518	11/12/2025	37	76,200	6.64%	44.00	3,370	29.6%	2.55	57.48	53.90	53.90
CVPB2525	25/03/2026	141	303,100	16.81%	31.70	1,380	26.6%	0.89	34.46	29.50	29.50
CSTB2522	3/12/2025	29	568,700	7.08%	54.57	630	26.0%	0.42	57.72	53.90	53.90
CVPB2510	23/02/2026	111	2,000	9.85%	23.04	4,810	25.3%	3.57	32.41	29.50	29.50
CSHB2506	11/12/2025	37	2,900	5.32%	12.57	2,600	23.2%	2.15	17.17	16.30	16.30
CVPB2526	25/06/2026	233	48,600	21.49%	32.60	1,620	22.7%	1.15	35.84	29.50	29.50
CTCB2509	15/12/2025	41	862,200	2.82%	33.12	1,470	22.5%	1.41	35.99	35.00	35.00
CVIB2510	3/03/2026	119	100	21.83%	19.22	1,100	22.2%	0.41	23.09	18.95	18.95
CMBB2513	15/12/2025	41	232,000	1.94%	19.50	3,310	22.1%	3.08	24.47	24.00	24.00
CVPB2523	24/02/2026	112	202,800	11.12%	28.00	2,390	21.3%	1.60	32.78	29.50	29.50
CMSN2509	19/12/2025	45	299,600	10.62%	82.00	650	20.4%	0.33	88.50	80.00	80.00
CVHM2516	23/06/2026	231	8,400	18.36%	79.00	9,900	20.3%	6.35	118.60	100.20	100.20
CMSN2514	15/12/2025	41	1,771,900	1.56%	68.00	2,650	19.4%	2.54	81.25	80.00	80.00
CVRE2512	20/05/2026	197	54,300	4.18%	23.50	5,700	19.0%	5.43	34.90	33.50	33.50

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 04/11/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
 - CVRE2523 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 43.56%. CSTB2514 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.17%.
 - CVHM2521, CTPB2510, CSSB2509, CVPB2524, CFPT2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2507, CVIC2508, CVIC2510, CVIC2511 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	201.00	2.87%	4.95	3.88
VPB	29.50	6.88%	3.56	7.93
TCB	35.00	4.17%	2.29	7.09
CTG	49.95	2.99%	1.77	5.37
MBB	24.00	3.90%	1.67	8.05

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	22.80	9.62%	1.13	0.90
HUT	18.00	9.09%	1.00	1.07
MBS	30.40	8.57%	0.88	0.59
CEO	25.10	9.61%	0.79	0.57
KSF	81.50	1.24%	0.52	0.90

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DIG	20.65	6.99%	0.25	17.57
ICT	20.65	6.99%	0.01	0.08
DXS	10.45	6.96%	0.09	4.16
TNI	6.00	6.95%	0.00	0.42
TCH	21.55	6.95%	0.29	10.91

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QHD	45.40	9.93%	0.10	0.01
SHS	22.80	9.62%	6.84	35.94
CEO	25.10	9.61%	4.74	26.14
DTK	12.80	9.40%	2.85	0.00
HUT	18.00	9.09%	6.06	4.76

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	103.30	-1.62%	-0.63	1.70
GAS	60.50	-1.63%	-0.53	2.41
VPL	74.50	-1.32%	-0.39	1.79
PNJ	90.00	-3.12%	-0.21	0.34
FRT	143.00	-2.72%	-0.15	0.17

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIF	15.40	-3.14%	-0.10	0.35
SCG	63.20	-2.77%	-0.09	0.09
PVS	32.20	-0.92%	-0.08	0.48
BAB	12.90	-0.77%	-0.05	0.96
PRE	22.50	-3.02%	-0.04	0.10

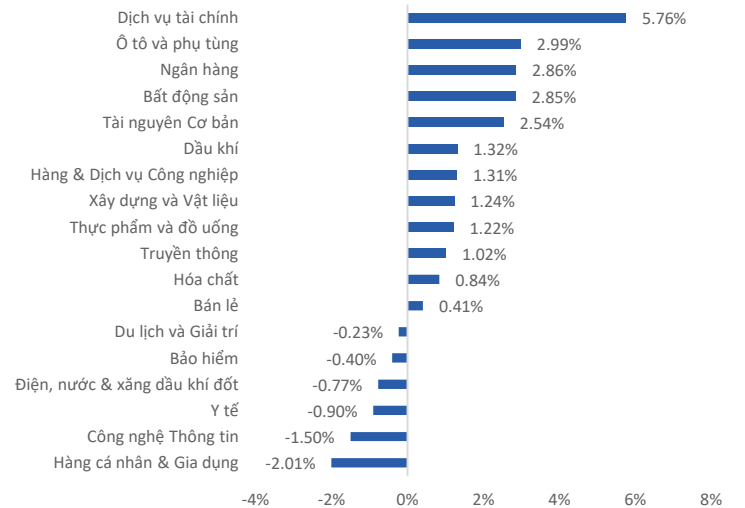
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAT	8.75	-6.91%	-0.01	0.03
TNC	28.50	-6.56%	-0.01	0.00
HID	3.90	-6.47%	0.00	1.53
DTT	14.60	-6.41%	0.00	0.00
HVX	2.65	-5.36%	0.00	0.03

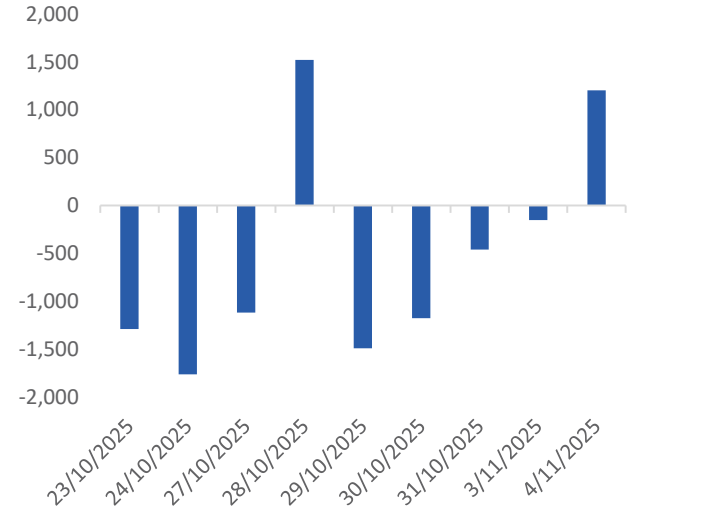
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NAG	9.40	-9.62%	-0.12	0.61
CTP	9.00	-9.09%	-0.03	0.14
PTX	26.00	-9.09%	-0.05	0.00
QTC	20.00	-9.09%	-0.02	0.00
CTB	19.10	-9.05%	-0.08	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	81.8	1.0%	1.3	119,755	1224.0	3,955	20.5	100,800	46.4%	Link
KBC	Bất động sản	35.7	4.2%	1.2	32,208	214.6	1,872	18.3	46,000	10.5%	Link
KDH	Bất động sản	35.6	4.7%	1.1	38,155	474.1	857	39.7	39,900	27.3%	Link
PDR	Bất động sản	22.9	6.8%	1.4	20,968	380.6	211	101.4	28,200	9.4%	Link
VHM	Bất động sản	100.2	1.7%	1.2	404,580	456.7	6,133	16.1	92,000	9.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	103.3	-1.6%	0.8	178,868	1830.9	5,280	19.9	118,700	37.8%	Link
BSR	Dầu khí	16.3	1.9%	0.0	80,117	147.9	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	32.2	-0.9%	1.4	15,534	169.4	3,040	10.7	42,800	10.4%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.6	5.6%	1.3	24,137	345.8	1,443	15.5		35.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	34.8	6.9%	1.3	67,467	1968.9	1,882	17.3		33.3%	
VCI	Dịch vụ tài chính	38.5	6.9%	1.1	26,014	701.6	1,589	22.7		20.3%	
DCM	Hóa chất	35.0	1.3%	1.2	18,291	121.9	3,578	9.7	47,300	4.7%	Link
DGC	Hóa chất	94.6	-0.9%	1.3	36,269	262.0	8,296	11.5	109,300	11.8%	Link
ACB	Ngân hàng	26.0	2.2%	0.9	130,728	492.4	3,385	7.5	28,400	29.4%	Link
BID	Ngân hàng	37.9	2.2%	1.0	260,493	146.0	3,781	9.8	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	50.0	3.0%	1.1	260,445	429.1	6,208	7.8	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	31.1	1.8%	1.1	117,444	1044.5	3,978	7.7	30,800	16.9%	Link
MBB	Ngân hàng	24.0	3.9%	1.1	186,070	919.2	3,017	7.7	32,000	20.8%	Link
MSB	Ngân hàng	12.3	2.5%	1.1	37,440	99.6	1,729	6.9	14,000	29.2%	Link
STB	Ngân hàng	53.9	3.1%	0.9	98,597	632.3	6,519	8.0		17.0%	
TCB	Ngân hàng	35.0	4.2%	1.1	238,098	706.2	3,113	10.8	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.3	3.6%	1.2	46,188	279.9	2,358	7.1	-	24.3%	Link
VCB	Ngân hàng	60.1	1.4%	0.8	495,492	312.6	4,202	14.1	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	19.0	3.3%	0.9	62,464	151.3	2,225	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.5	6.9%	1.1	218,976	926.4	2,603	10.6	35,650	24.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.8	2.7%	1.1	199,946	1021.9	1,876	13.9	33,170	18.6%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.2	2.4%	1.1	10,401	82.1	1,178	14.2	23,800	5.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.4	2.1%	1.1	9,930	129.5	4,150	6.2	31,700	2.8%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	80.0	3.9%	1.2	111,335	1002.0	2,196	35.1	92,700	22.6%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.3	0.0%	0.7	119,754	247.9	4,160	13.8	64,500	48.9%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.6	1.12%	1.3	8,869	48.1	2,413	16.6	20.4%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	143.0	-2.72%	1.1	25,034	119.4	3,620	40.6	32.2%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	54.3	0.00%	1.2	40,308	54.6	3,594	15.1	27.0%	11.3%	
DIG	Bất động sản	20.7	6.99%	1.3	15,371	343.7	519	37.2	5.1%	4.4%	
DXG	Bất động sản	20.2	6.90%	1.2	19,206	687.5	401	47.0	21.8%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	33.5	6.87%	1.1	5,583	207.9	3,424	9.1	3.8%	25.2%	
HDG	Bất động sản	31.6	6.04%	1.3	11,025	131.3	938	31.8	20.2%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	38.1	-0.26%	1.4	14,497	449.3	4,849	7.9	10.7%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	38.2	3.24%	1.2	17,952	103.5	2,195	16.9	46.2%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	56.0	-0.88%	1.0	13,679	14.9	5,474	10.3	3.3%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.9	-0.16%	0.9	5,562	26.1	1,763	17.5	2.6%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	21.6	6.95%	1.4	17,504	221.7	852	23.6	12.2%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	201.0	2.87%	1.3	752,879	508.9	2,287	85.4	3.8%	6.2%	
VRE	Bất động sản	33.5	6.86%	1.3	71,237	363.5	2,144	14.6	15.1%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.6	-1.98%	1.1	8,555	35.2	1,833	22.0	38.6%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.2	-0.29%	0.7	43,581	66.3	2,090	16.4	15.3%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	22.9	3.39%	0.9	12,313	382.9	1,602	13.8	3.7%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	35.9	4.66%	1.3	11,885	130.8	1,262	27.2	25.0%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.4	8.57%	1.8	18,444	217.5	1,668	16.8	5.3%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	60.5	-1.63%	0.9	148,396	61.9	5,014	12.3	1.7%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.3	0.00%	1.0	33,372	92.6	812	17.5	2.6%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.0	0.00%	0.9	35,208	33.9	4,776	13.6	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	185.8	1.25%	0.6	108,561	754.8	2,897	63.4	7.3%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	47.2	6.92%	1.1	39,796	674.4	2,313	19.1	9.2%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	67.3	-1.75%	1.0	29,215	330.3	3,505	19.5	43.2%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.0	-0.96%	0.7	10,571	281.6	6,185	10.1	8.0%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.3	-0.57%	0.9	8,177	44.2	2,090	8.3	8.6%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	109.8	1.57%	0.0	13,165	209.6	3,139	34.4	5.0%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	90.0	-3.12%	0.9	31,693	147.8	6,923	13.4	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.1	0.18%	0.8	3,137	33.0	2,535	11.1	48.6%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.4	1.04%	1.4	2,472	23.4	2,881	6.7	17.9%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.7	2.16%	1.1	15,774	105.5	1,212	19.1	5.1%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	28.8	1.41%	1.3	113,400	105.0	1,569	18.1	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.5	4.65%	1.1	40,048	453.1	1,635	13.2	4.1%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	51.7	1.97%	0.5	151,455	159.5	3,469	14.6	1.1%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.4	1.06%	0.0	24,363	27.7	2,337	6.1	1.3%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.6	2.02%	1.0	32,889	57.8	1,460	8.5	19.5%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.8	3.70%	1.1	7,251	207.0	571	28.4	5.1%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	29.1	-0.68%	1.3	7,801	131.4	2,829	10.4	4.4%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.3	0.78%	0.7	9,729	35.9	1,715	18.7	2.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.3	-0.11%	0.9	59,383	45.6	3,373	13.7	58.4%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.2	1.75%	1.1	12,839	118.1	6,944	8.2	19.3%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	171.0	-1.61%	0.6	14,227	20.4	14,639	11.9	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	94.3	-4.75%	1.1	10,042	369.2	6,560	15.1	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	90.3	0.56%	1.1	10,272	117.4	5,128	17.5	5.4%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.8	3.79%	1.1	4,254	45.3	3,037	13.9	5.2%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.4	2.13%	1.2	7,014	204.8	1,106	12.8	9.8%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.7	2.28%	0.8	8,637	86.5	1,584	15.3	11.9%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.9	1.01%	1.0	15,935	402.8	6,148	4.0	6.2%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	48.0	2.57%	1.3	20,960	55.6	3,090	15.1	3.9%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>